

Ngày: 30-9-2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Đặng H Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Bích S, sinh năm 1982 (có yêu cầu xin vắng mặt)
2. *Bi đơn*: Anh Tạ Khải H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 chi Trần Bích S trình bày:*

Chị S và anh H tự nguyện tìm hiểu, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào khoảng năm 2000. Đến ngày 17/8/2004 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung

sống lúc đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ly thân hơn 06 tháng nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị S yêu cầu ly hôn với anh H.

Thời gian chung sống, chị S và anh H có 02 con chung tên Tạ Cẩm D, sinh ngày 02/12/2000 và Tạ Quốc T, sinh ngày 14/12/2004. Hiện con chung do anh H nuôi dạy. Khi ly hôn chị S tự nguyện giao cháu T cho anh H nuôi dạy, chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định pháp luật. Riêng cháu D đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị S không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị S và anh H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do chị S và anh H chung sống không còn hạnh phúc và hiện tại anh chị đã ly thân nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung là cháu Tôn hiện anh H nuôi dạy nên cần giao anh H nuôi dạy, công nhận sự tự nguyện của chị S về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Chị S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Bích S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tạ Khải H. Do chị S và anh H chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh H có địa chỉ tại ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị S và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 04/9/2020 chị S có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Tạ Khải H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/8/2004. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị S yêu cầu ly hôn với anh H. Xét thấy, yêu cầu của chị S là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống chị S và anh H có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng cự cãi nhau nên đã ly thân hơn 06 tháng nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh H vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trần Bích S và anh Tạ Khải H được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Tạ Cẩm D, sinh ngày 02/12/2000 (giới tính nữ) và Tạ Quốc T, sinh ngày 14/12/2004 (giới tính nam). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị S thống nhất giao con chung là cháu T cho anh H tiếp tục nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, cháu T là nam, cháu D và cháu T hiện anh H nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu T. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2020 cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh H. Do cháu T đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu T là phù hợp và được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh H biết yêu cầu của chị S là tự nguyện giao cháu T cho anh H tiếp tục nuôi dạy nhưng anh H không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị S. Vì

vậy cần tiếp tục giao cháu T cho anh H nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Tôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Tôn theo quy định pháp luật là phù hợp.

Đối với cháu Tạ Cẩm D đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy chị S không yêu cầu giải quyết là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lỗi suất chậm thi hành án: Chị Trần Bích S phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết, tại đơn xác nhận ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận vợ chồng chị S không bị ai thừa kiện về nợ tại địa phương, vì vậy Hội đồng không xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Bích S phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với chị Trần Bích S và anh Tạ Khải H.
2. Về hôn nhân: Chị Trần Bích S và anh Tạ Khải H được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Tạ Quốc T, sinh ngày 14/12/2004 (giới tính nam) cho anh Tạ Khải H tiếp tục nuôi dạy. Chị Trần Bích S phải cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định pháp luật với số tiền là 745.000 đ (lương cơ bản là 1.490.000đ). Chị S không trực tiếp nuôi dạy cháu Tôn nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Tạ Khải H (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Trần Bích S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Bích S phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 06 tháng 7 năm 2020 chị S có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011323 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng: Chị Trần Bích S phải nộp 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị S biết và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang